

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 01 – 9 – 2017

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thanh Nhanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lý Thanh Phong**.

2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Yến**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà **Triệu Thị Mộng Lý** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị D**.

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**.

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:*

+ Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn T tìm hiểu nhau trước và được gia đình hai bên chấp thuận tổ chức đám cưới vào ngày 15/7/2013, nhưng đến nay giữa chị D và anh T không đăng ký kết hôn, vì anh chị không biết phải làm thủ tục như thế nào. Sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình và thường xuyên cãi nhau. Anh chị không còn sống chung từ

c cuối năm 2016 cho đến nay. Chị D thấy không còn tình cảm với anh T nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị D cung cấp cho Tòa án văn bản “xác nhận” số: 15/XN.HT ngày 10/7/2017 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng có nội dung là trích lục sổ kết hôn từ năm 2013 đến nay không tìm thấy hồ sơ tên Trần Thị D; “Đơn xin xác nhận” của chị D được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T xác nhận là chị D và anh T không đăng ký kết hôn tại cơ quan này.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị D và anh đồng ý theo các yêu cầu khởi kiện của chị D.

Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn, vì anh thấy làm thủ tục này khó khăn. Anh không còn tình cảm với chị D nữa, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên anh yêu cầu Tòa án không công nhận anh với chị D là vợ chồng; Anh, chị không có con chung, tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung thì cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Chị D và anh T thống nhất với nhau về thời gian chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị D với anh T chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2013, nhưng không đăng ký kết hôn. Theo Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là nơi chị D cư trú và Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là nơi anh Thừa cư trú xác nhận là chị D và anh T không đăng ký kết hôn, như vậy có cơ sở xác định chị D và anh T không đăng ký kết hôn là đúng sự thật. Chị D, anh T chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Nay chị D yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận chị D và anh T là vợ chồng theo đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh T thống nhất với nhau là không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Văn T thống nhất với nhau là không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0004418 ngày 21/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Chị D đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ, văn phòng TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thanh Nhanh